TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HSST
Ngày 24/02/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Trường và bà Vũ Thị Thúy.
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2022/TLST – HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST ngày 14 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T; sinh ngày 30/8/19xx; Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam. Nơi sinh và nơi cư trú: thôn Đ, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha đẻ: Phạm Văn T1, sinh năm 19xx, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, tặng Bằng khen "Đã có thành tích tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước" theo Quyết định số 2092 ngày 30/7/2008; Mẹ đẻ: Bùi Thị N, sinh năm 19xx, đều trú tại thôn Đ, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: không; Tiền án: Bản án số 73/2020/HSST ngày 08/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xử phạt Phạm Văn T 09 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" chấp hành xong án phạt tù ngày 02/3/2021. Nhân thân: Bản án số 53/2013/HSST ngày 19/11/2013 Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, xử phạt 03 tháng 05 ngày tù, về tội "Trộm cắp tài sản" trả tự do tại phiên tòa, nộp án phí ngày 19/11/2013, đã được xóa án tích; Bản án số 179/2014/HSST ngày 22/8/2014 Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, xử phạt Phạm Văn T 30 tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/5/2016, đã nộp án phí ngày 24/10/2014, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/11/2021 đến ngày 26/11/2021 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy.

Bị cáo được dẫn giải có mặt.

Bị hại: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Quang G, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Nha Xuyên, xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Bà N có mặt; anh G, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 06/10/2021, Phạm Văn T, đi bộ từ nhà ngang qua cổng nhà anh Bùi Văn H ở thôn Đ, xã D, huyện Thái Thụy. Quan sát thấy cổng nhà anh H khóa, bên trong nhà mở cửa, nên Tới trèo qua tường bao, vào bên trong nhà. Tới quan sát thấy phía cuối giường ngủ của anh H có 01 chiếc điện thoại di động Samsung J7 Plus đang cắm sạc pin. Tới tiến lại gần, dùng tay rút chiếc điện thoại, bỏ vào túi quần đang mặc đi về nhà ngủ. Hôm sau, Tới tháo chiếc sim điện thoại của anh H giữ lại, còn chiếc điện thoại Tới mang đến bán cho Nguyễn Quang G, là chủ cửa hàng điện thoại G Trang được 700.000 đồng. Số tiền này, Tới đã chi tiêu cá nhân hết. Anh G sau khi mua chiếc điện thoại, đã bán cho khách hàng không quen biết nên không thu hồi được chiếc điện thoại đó. Ngày 18/11/2021, Phạm Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy đầu thú và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của Tới trong có lắp chiếc sim điện thoại của anh H.

Bản kết luận định giá tài sản số 51/KL - HĐĐGTS ngày 23/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thái Thụy, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Plus, màu bạc, đã qua sử dụng, thời điểm định giá tháng 11/2021 có giá 1.450.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá nêu trên.

Vật chứng, đồ vật thu giữ và xử lý: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bàn phím bấm, có số IMEI 1: 358893072793603, có số IMEI 2: 358893072793611, đã qua sử dụng bên trong có lắp sim 0967145469 do Tới giao nộp. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc sim điện thoại trên cho anh Bùi Văn H. Đối với chiếc điện thoại NOKIA, Viện kiểm sát ra Quyết định chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy để quản lý theo quy định.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn T đã tác động đến bà Bùi Thị N (là mẹ đẻ Tới) bồi thường cho anh Bùi Văn H, số tiền 1.200.000 đồng, anh H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản gì khác.

Bản cáo trạng số 09/CT- VKSTT ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ N quan điểm như đã truy tố với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 18/11/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự ghi nhận việc mẹ đẻ bị cáo là bà Bùi Thị N đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh Bùi Văn H số tiền là 1.200.000 đồng. Anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, bà Bùi Thị N không yêu cầu bị cáo hoàn lại tiền bà đã bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc cơ quan điều tra đã trả lại chiếc sim điện thoại cho anh Bùi Văn H. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Phạm Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bàn phím bấm, có số IMEI 1: 358893072793603, có số IMEI 2: 358893072793611, cũ, đã qua sử dụng

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Văn T không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền,trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến đề nghị, khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Bị hại, người làm chứng vắng mặt nhưng tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy việc họ vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T khai nhận bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Plus, màu bạc trị giá 1.450.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn đề nghị và lời khai của bị hại, người làm chứng; biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường; bản kết luận định giá tài sản trong tố

tụng hình sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Trị giá tài sản bị cáo trộm cắp dưới hai triệu đồng nhưng bị cáo đã bị kết án về trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) …….

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169,170, 171, 172, 174, 175 và 290 chưa được xóa án tích mà con vi phạm

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bố bị cáo có công trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân và tâm lý lo lắng cho các chủ tài sản trong việc trông coi quản lý tài sản của mình. Tuy tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị nhỏ nhưng bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị xử phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đồng thời cũng là bài học giúp bị cáo nhận ra lỗi lầm đã phạm phải để phấn đấu trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[6]. Bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc sim điện thoại trên cho anh Bùi Văn H là đúng quy định. Đối với chiếc điện thoại NOKIA là tài sản của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại bị cáo.

[8]. Quá trình điều tra bị hại đã nhận số tiền 1.200.000 đồng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm cần công nhận việc mẹ đẻ bị cáo là bà Bùi Thị N đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh Bùi Văn H số tiền là 1.200.000 đồng. Anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, bà Bùi Thị N không yêu cầu bị cáo hoàn lại tiền bà.

[9]. Đối với anh Nguyễn Quang G là người mua chiếc điện thoại trộm cắp do Tới mang đến bán. Kết quả điều tra xác định khi mua anh G không biết chiếc điện thoại là do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh G là đúng quy định của pháp luật.

[10].Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; Khoản 1 Điều 48; Điều 50; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Điểm b khoản 3 Điều 106; Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận việc mẹ đẻ bị cáo là bà Bùi Thị N đã thay bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh Bùi Văn H số tiền là 1.200.000 đồng. Anh H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, bà Bùi Thị N không yêu cầu bị cáo hoàn lại tiền bà.

5. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Phạm Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen *(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Thái Thụy và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 26/01/2022).*

6. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, bà N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Vương